

Bản án số: **66/2018/HSST**

Ngày 24/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Hồ H Thành**
2. Ông **Nguyễn Văn Đích**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Tín**- Thư ký Tòa án nhân dân Quận S TP Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Thái Hồng Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 65/2018/HSST ngày 17 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **PHAN HỮU H** Giới tính: Nam
 - Sinh năm: 1998 . Tại tỉnh Thừa Thiên Huế
 - Nơi cư trú: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế
 - Nghề nghiệp: Sinh viên
 - Trình độ học vấn: 12/12
 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
 - Tiền án, tiền sự: Không
 - Con ông: Phan P (SN: 1968) và bà: Phan Thị N (SN: 1971) cùng trú tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
 - Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai.

- Bị cáo hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **NGUYỄN THANH T** Giới tính: Nam

- Sinh năm: 1998 . Tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế

- Nơi cư trú: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Nghề nghiệp: Lao động phổ thông.

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

- Tiền án, tiền sự: Không

- Con ông: Nguyễn X (SN 1979) và bà: Lê Thị D (SN: 1979), cùng trú tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con đầu.

- Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **NGUYỄN P** Giới tính: Nam

- Sinh năm: 1998 . Tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế

- Nơi cư trú: Xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Nghề nghiệp: Lao động phổ thông

- Trình độ học vấn: 12/12

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

- Tiền án, tiền sự: Không

- Con ông: Không rõ và bà: Nguyễn Thị H trú tại Xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

- Bị cáo hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Phan Hữu H:** ông **Võ Văn Thiết**, sinh năm 1964 là Luật sư Văn phòng luật sư Thiết và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng - Địa chỉ: 357/88 Lê Văn Hiến, quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng; có mặt

* **Người bị hại:**

- Ông **Đỗ Văn N**, sinh năm: 1972;

Trú tại: Tổ 38 phường P, quận S, TP. Đà Nẵng; vắng mặt.

* **Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Trương Hoàng R**, sinh năm: 1998;

Trú tại: thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Ông **Trần Văn T**, sinh năm: 2000;

Trú tại: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- Ông **Trần Đình L**, sinh năm: 1946;

Trú tại: Số 918 đường N, phường Phú Bài, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Hữu H**, sinh năm: 1981;

Trú tại: K45H39/29 đường L, quận T, TP. Đà Nẵng; vắng mặt.

- Ông **Phùng Ngọc C**, sinh năm: 1988;

Trú tại: Số 612 đường T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 19/01/2018, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên Phan Hữu H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô sirius BKS 92D1- 50149 của anh Trương Hoàng R (SN: 1998; TT: Châu Lâu, Điện Thọ, Điện Bàn, Quảng Nam) – là bạn ở cùng phòng trọ với H tại tổ 145 phường H, quận L, TP Đà Nẵng nên L dụng lúc R đi tắm, H đã lấy trộm chìa khoá xe và Giấy chứng nhận đăng kí xe mang tên Trương Hoàng R đang để trên bàn đem cất giấu. Đến khoảng 07 giờ ngày 20/01/2018, H điện thoại cho Nguyễn Thanh T rủ T đi lấy xe của R để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý nên H đưa chìa khoá xe và Giấy chứng nhận đăng kí xe mang tên Trương Hoàng R cho T rồi nói lấy được cứ đem đi bán và chở T đến Trường Cao đẳng nghề, phường P, quận S, TP Đà Nẵng (nơi R thường gửi xe khi đi học). Khi đến nơi, H chỉ cho T biết chỗ để xe của R rồi lên lớp học. Sau đó, T đi vào trong mở khoá dắt xe ra nhưng do không có thẻ gửi xe (thẻ từ) nên bảo vệ là anh Đỗ Văn N (SN: 1972; trú: Tổ 38, phường P, quận S, TP Đà Nẵng) không cho đưa xe ra ngoài. Do không lấy được xe, nên Phan Hữu H nảy sinh ý định sẽ dùng thẻ gửi xe của mình nhằm lừa dối bảo vệ để lấy xe của R ra ngoài. Đến khoảng 08 giờ ngày 26/01/2018, H tiếp tục điện thoại cho T rủ T đi lấy xe của R, T đồng ý nên H đến nơi trọ của T ở đường Phan Đăng Lưu và chở T đến Trường Cao đẳng nghề và vào gửi xe của mình để lấy thẻ gửi xe. Sau đó, H đưa thẻ gửi xe (thẻ từ)

của mình cho T nói T sử dụng thẻ gửi xe này để lấy xe của R ra và nói khi nào nhận được tin nhắn của H thì vào lấy xe, đồng thời trước đó H có nói cho T biết máy kiểm tra thẻ xe đã bị hư nên chỉ cần đưa thẻ xe cho bảo vệ là dắt xe ra được. Dặn dò T xong, H lên lớp học. Khi lên lớp học, H thấy R đã có trên lớp học nên nhắn tin cho T biết để T lấy xe mô tô Sirius BKS 92D1 – 50149 của R, sau khi nhận được tin nhắn của H, T đi vào bãi xe, mở khoá dắt xe của R ra rồi đưa 2000đ cùng thẻ gửi xe của H đưa cho anh Đỗ Văn N (bảo vệ) xem, do máy kiểm tra thẻ bị hư nên anh N nhận thẻ rồi T dắt xe R ra khỏi trường. Sau đó, T đem xe bán cho Trần Văn T (Sinh ngày: 14/7/2000; trú: Phú Đa, Phú Vang, Huế) với giá 12.000.000đ, do thấy có giấy tờ đầy đủ nên Thiện đồng ý mua và đưa trước cho T số tiền 1.200.000đ và nói sẽ trả đủ sau nhưng sau đó gia đình Thiện không cho tiền nên Thiện đã trả lại xe cho H và T tại Huế. Nhận xe, H, T đem tới nhà Nguyễn P mượn Giấy chứng minh nhân dân của P đi cầm xe. P đồng ý. Cả ba đem xe đến cầm cho anh Trần Đình L (SN: 1946; trú: 918 đường Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, huyện Hương Thủy, TP Huế) được 9.000.000đ chia đều nhau tiêu xài. Sau đó, do không có tiền chuộc xe nên H, T nói cho P biết xe này do chiếm đoạt ở Đà Nẵng mà có và rủ P cùng đi bán xe luôn cho ông L thì P đồng ý. Cả ba đến gặp ông L và thoả thuận bán xe với giá 10.000.000đ và nói với ông L đây là xe của bạn cùng trường bán lại nên không viết giấy mua bán xe. Sau đó, ông L yêu cầu T viết giấy bán xe và sau khi trừ số tiền cầm xe, ông L đưa thêm cho cả ba số tiền 1.000.000đ rồi cả ba chia nhau tiêu xài hết. Sau khi mua xe, ông Trần Đình L bán lại cho anh Nguyễn Hữu H (SN: 1981; trú: K45H39/29 Lê Độ, Thanh Khê, Đà Nẵng) với giá 14.500.000đ rồi Hoàng đem bán cho anh Phùng Ngọc C (SN: 1988) là chủ tiệm cầm đồ Tám, số 612 Trần Hưng Đạo, Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam với giá 16.000.000đ. Đến ngày 25/3/2018, anh N phát hiện chiếc xe trên tại tiệm cầm đồ của anh Phùng Ngọc C nên báo cho Công an đến làm việc.

Qua điều tra xác định:

- Ông Đỗ Văn N là bảo vệ trường Cao đẳng nghề Đà Nẵng. Ông N và anh Ngô Minh T – là chủ thầu bãi giữ xe có hợp đồng miệng với nhau là ông N sẽ trông coi và giữ xe cho sinh viên tại bãi xe, mỗi tháng anh T trả cho ông N 3.000.000 đồng tiền lương, nếu làm mất xe thì ông N phải chịu trách nhiệm bồi

thường hoàn toàn. Do đó, anh Trương Hoàng R đã yêu cầu ông N bồi thường lại chiếc xe cho mình.

- 02 chiếc điện thoại Phan Hữu H và Nguyễn Thanh T sử dụng liên lạc với nhau để đi chiếm đoạt xe mô tô của R, hiện đã hư hỏng nên H và T đã vứt bỏ.

*** Tang vật tạm giữ:**

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu đen, BKS 92D1-501.49, 01 chìa khoá xe và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trương Hoàng R (Đã trao trả cho anh Trương Hoàng R).

Tại Kết luận số: 32 ngày 02/4/2018 của Hội đồng Định giá tài sản trong TTHS quận S xác định: Tại thời điểm xảy ra vụ việc, chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu đen, BKS 92D1-501.49 có giá trị **17.820.000đ**.

*** Bồi thường dân sự:**

Anh Trương Hoàng R đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ông Đỗ Văn N không yêu cầu bồi thường gì thêm đồng thời cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ông Phan Hữu H, ông Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn P đã liên đới trả lại cho ông Trần Đình L số tiền 10.000.000 đồng. Ông L đã trả lại cho ông Nguyễn Hữu H số tiền 14.500.000 đồng. Ông H đã trả lại cho ông Phùng Ngọc C số tiền 16.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 16/8/2018 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phan Hữu H và Nguyễn Thanh T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo Nguyễn P đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” đồng thời đề nghị:

- Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 174; điểm s, b Khoản 1, 2 điều 51, điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Hữu H từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 174; điểm s, b Khoản 1, 2 điều 51, điều 54, điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 18 đến 24 tháng tù

cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i,s, b Khoản 1, 2 điều 51, điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn P từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Đối với hành vi mua xe không chính chủ của ông Trần Đình L, Công an quận S đã ra QĐ xử lý hành chính là phù hợp.

Đối với hành vi của tiêu thụ xe của Trần Văn T, Trần Đình L, Nguyễn Hữu H và Phùng Ngọc C, do không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu đen, BKS 92D1-501.49 là do phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an quận S không đề cập xử lý là có căn cứ.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận việc truy tố bị cáo là đúng người đúng tội, không oan đồng thời không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo H:

- Về tội danh: Thống nhất với tội danh mà VKSND quận S truy tố đối với các bị cáo về tội “ lừa đảo chiếm đoạt tài sản” cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà kiểm sát viên đề nghị. Tuy nhiên vị luật sư không đồng tình với quan điểm của VKS truy tố bị cáo theo tình tiết định khung “ có tổ chức” theo điểm a khoản 2 điều 174 BLHS bởi lẽ ý định ban đầu của bị cáo H và bị cáo T là lén lút trộm cắp xe máy của anh R là bạn cùng phòng nhưng do anh R gửi xe ở trong trường nên các bị cáo đã L dụng việc mất cảnh giác của bảo vệ trường sử dụng vé xe của bị cáo H để lừa anh N là bảo vệ của trường để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo H đang là sinh viên, có nhân thân tốt, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ mà khi bị cáo H rủ rê bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp xe máy thì bị cáo T đồng ý, đó chỉ là hành động nhất thời, tự phát. Không có sự phân hóa vai trò rõ ràng giữa người tổ chức và người thực hành theo quy định tại điều 17 BLHS, điều này còn thể hiện ở chỗ sau khi chiếm đoạt được tài sản các bị cáo mang đi bán và chia phần bằng nhau và cùng nhau tiêu xài. Do đó Cáo trạng mà

VKS đã truy tố các bị cáo với tình tiết định khung “có tổ chức” là chưa có cơ sở vững chắc.

Ý kiến của người bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt tuy nhiên cũng có ý kiến thể hiện trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người có quyền L và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 8 giờ ngày 26/01/2018, Phan Hữu H bàn bạc, lên kế hoạch, phân công nhiệm vụ và thống nhất cùng Nguyễn Thanh T đến nhà giữ xe của trường Cao đẳng nghề, thuộc phường P, quận S bằng cách dùng thủ đoạn gian dối là dùng thẻ gửi xe của H để lừa người có trách nhiệm quản lý xe là ông Đỗ Văn N để ông N tin tưởng cho dắt 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu đen, BKS 92D1-501.49, 01 của anh Trương

Hoàng R trị giá 17.820.000 đồng ra ngoài. Sau khi chiếm đoạt được xe, Phan Hữu H và Nguyễn Thanh T rủ Nguyễn P đem đi tiêu thụ. Nguyễn P mặc dù biết đây là xe do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý cùng đem đi tiêu thụ cho ông Trần Đình L lấy số tiền 10.000.000 đồng để chia nhau tiêu xài.

[3]. Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

- Đối với bị cáo H và bị cáo T: Do thiếu tiền tiêu xài nên bị cáo H đã rủ bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh R là bạn cùng phòng trọ của mình. Bị cáo H lén lút lấy chìa khóa xe và giấy tờ xe của anh R trước và chờ cơ hội anh R sơ hở thì trộm cắp xe xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu đen, BKS 92D1-501.49. Tuy nhiên do anh R để xe trong trường học nên bị cáo H nảy sinh ý định dùng thẻ giữa xe của mình đưa cho T vào trường L dụng sơ hở của bảo vệ để lấy xe mô tô của R. Hành vi của các bị cáo phạm vào tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trong vụ án này các bị cáo cố ý cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân hóa rõ ràng giữa người tổ chức, cầm đầu chủ mưu và người thực hành như ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo H đã phân tích mà ở đây các bị cáo nhất thời phạm tội, hành vi phạm tội có mức độ, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Do đó Cáo trạng của VKSND quận S cũng như ý kiến của KSV tại phiên tòa hôm nay cho rằng các bị cáo phạm tội có tổ chức là không thỏa đáng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy HĐXX có cơ sở cho rằng các bị cáo phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 174BLHS.

- Đối với bị cáo P: Do nể nang bạn bè nên khi các bị cáo T và H nhờ mang xe đi cầm giúp thì bị cáo P đã dùng chứng minh nhân dân của mình giúp các bị cáo H và T cầm xe cho anh L được 9.000.000đ và được cho 3.000.000đ cùng nhau tiêu xài, sau đó do không có tiền để chuộc xe bị cáo cùng các bị cáo H và T đến bán luôn chiếc xe cho anh Ca lấy thêm 1.000.000đ nữa và cùng nhau tiêu xài. Hành vi của bị cáo phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 điều 323 BLHS.

[4]. Xét các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra biết ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần

đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã liên đới bồi thường cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đình L số tiền 10.000.000 đồng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, Gia đình bị cáo H thuộc trường hợp gia đình có công cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, b Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội có mức độ, bị cáo H đang là sinh viên có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1, 2 BLHS nên thấy chưa cần thiết pH cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà nên cho các bị cáo được hưởng án treo theo qui định tại điều 65 BLHS giao các bị cáo về UBND xã nơi cư trú tiếp tục giám sát giáo dục cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung để các bị cáo có cơ hội học tập, lao động trở thành công dân có ích cho xã hội

[5] Xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu đen, BKS 92D1-501.49, 01 chìa khoá xe và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trương Hoàng R (Đã trao trả cho anh Trương Hoàng R).

[6] Trách nhiệm dân sự:

Anh Trương Hoàng R đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường gì thêm, Ông Đỗ Văn N không yêu cầu bồi thường gì thêm, Ông Phan Hữu H, ông Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn P đã liên đới trả lại cho ông Trần Đình L số tiền 10.000.000 đồng. Ông L đã trả lại cho ông Nguyễn Hữu H số tiền 14.500.000 đồng. Ông Hoàng đã trả lại cho ông Phùng Ngọc C số tiền 16.000.000 đồng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố: Các bị cáo Phan Hữu H và Nguyễn Thanh T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo Nguyễn P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s, b Khoản 1, 2 điều 51, điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Hữu H 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND Thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên-Huế giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm i, s, b Khoản 1, 2 điều 51, điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 18(mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND Thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên-Huế giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i,s, b Khoản 1, 2 điều 51, điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn P 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND Xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên-Huế giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

II. Án phí HSST: các bị cáo H, T, P mỗi người pH chịu 200.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Công an quận S;
- Chi cục THADS quận S
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHÙNG ANH DŨNG